

Số: 11/KH-UBND

An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Triển khai kịp thời, thống nhất, hiệu quả Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp và phân công trách nhiệm cho các sở, ngành, địa phương; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi được đến trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện cho trẻ em.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần được ưu tiên hàng đầu.

Huy động tối đa nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và khai thác các nguồn lực hợp pháp khác. Mọi hoạt động triển khai thực hiện phải đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh An Giang, bảo đảm mọi trẻ em trong độ tuổi được tiếp cận dịch vụ GDMN an toàn, chất lượng, công bằng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thông qua việc thực hiện phổ cập GDMN, góp phần phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm - xã hội, trí tuệ, ngôn ngữ và thẩm mỹ; tạo nền tảng vững chắc cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một; thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục giữa các vùng, các nhóm đối tượng; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững tỉnh An Giang.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về huy động trẻ

- Đảm bảo 100% trẻ em 5 tuổi được huy động đến cơ sở GDMN theo quy định.
- Từng bước nâng cao tỷ lệ huy động trẻ 3 và 4 tuổi ra lớp, ưu tiên các xã vùng khó khăn, vùng biên giới, vùng có đông con em công nhân, lao động di cư.
- Không để trẻ em trong độ tuổi phổ cập bị bỏ sót do hoàn cảnh kinh tế, điều kiện cư trú hoặc hạn chế về tiếp cận dịch vụ giáo dục.

2.2. Mục tiêu về mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non

- Rà soát, sắp xếp, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với quy mô dân số, đặc điểm địa bàn.
- Đảm bảo mỗi xã, phường, đặc khu có đủ cơ sở GDMN đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng, cải tạo trường lớp tại các khu vực còn thiếu chỗ học, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư, khu dân cư mới.

2.3. Mục tiêu về đội ngũ

- Bảo đảm đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo định mức quy định để thực hiện phổ cập.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.
- Tăng cường bồi dưỡng năng lực thực hiện Chương trình GDMN, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục hòa nhập và chăm sóc trẻ em yếu thế.

2.4. Mục tiêu về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

- Thực hiện đầy đủ Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.
- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; đảm bảo 100% cơ sở GDMN đạt yêu cầu về an toàn trường học.

2.5. Mục tiêu về quản lý nhà nước và bền vững

- Xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi phổ cập GDMN đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến xã, gắn với cơ sở dữ liệu dân cư.
- Hoàn thành hồ sơ và tổ chức kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN theo đúng quy trình, điều kiện quy định.
- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN một cách bền vững sau khi được công nhận.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong triển khai phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; phát huy trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền vận động, huy động trẻ em đến trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Phát huy vai trò của các sở, ngành, đoàn thể trong tham mưu bảo đảm điều kiện, nguồn lực thực hiện; lồng ghép hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ phát triển GDMN.

Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; ưu tiên lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển giáo dục ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

2. Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi

Tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng mạng lưới trường, lớp mầm non trên địa bàn tỉnh, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu và nhu cầu phát triển của từng địa phương.

Xây dựng kế hoạch chi tiết về đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất theo lộ trình phù hợp. Ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hải đảo và biên giới, nơi còn nhiều thiếu thốn về cơ sở vật chất giáo dục.

Ưu tiên bố trí quỹ đất sạch để xây dựng các trường mầm non mới, đồng thời nghiên cứu chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất xây dựng cơ sở GDMN khi cần thiết, phù hợp với quy hoạch chung.

Đầu tư đầy đủ thiết bị dạy học, đồ dùng và đồ chơi cho các cơ sở GDMN để đáp ứng yêu cầu phổ cập theo tiêu chuẩn quy định. Đặc biệt, thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở GDMN ngoài công lập ở các vùng khó khăn, khu công nghiệp thực hiện phổ cập GDMN.

Tăng cường huy động nguồn lực từ ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác. Khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực đầu tư từ doanh nghiệp và cộng đồng thông qua các chính sách ưu đãi phù hợp.

3. Thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên mầm non, cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Rà soát, đề xuất các chính sách hỗ trợ phù hợp đối với giáo viên mầm non công tác tại vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo; giáo viên hợp đồng, giáo viên tại cơ sở GDMN ngoài công lập tham gia thực hiện phổ cập. Bảo đảm quyền lợi về tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tạo điều kiện để đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với ngành.

Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em trong độ tuổi phổ cập, đặc biệt là trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em ở vùng khó khăn theo quy định. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận GDMN công bằng, không bị rào cản về kinh tế, hoàn cảnh gia đình.

Phối hợp thực hiện tốt các chính sách về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, bảo vệ trẻ em, tạo điều kiện để trẻ phát triển toàn diện.

Thực hiện chi trả các chế độ bảo đảm đúng định mức, đúng đối tượng, không để xảy ra chồng chéo hoặc thất thoát ngân sách; rà soát, xác định rõ đối tượng được hưởng, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

4. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình GDMN đảm bảo trẻ được bảo vệ, được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ chuẩn bị sẵn sàng vào lớp một và học tập suốt đời; đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, trẻ em là người học tích cực, chủ động và đầy tiềm năng, là trung tâm trong toàn bộ quá trình giáo dục.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ. Tôn trọng tính đa dạng về giới và văn hóa; bảo đảm tính tích hợp, hòa nhập, phù hợp với sự phát triển.

Quan tâm hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em yếu thế được tham gia học tập và hòa nhập; gia đình, cộng đồng và nhà trường có trách nhiệm tham gia bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Bảo đảm mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng và hợp tác giữa các lực lượng giáo dục vì lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

5. Công tác tuyên truyền, vận động

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, mục tiêu, quyền lợi của trẻ em và trách nhiệm của gia đình, cộng đồng trong thực hiện phổ cập GDMN.

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, hội nghị, sinh hoạt cộng đồng.

Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong vận động người dân đưa trẻ đến trường, nhất là trẻ em 3 và 4 tuổi.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non

Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ trang thiết bị, học liệu, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em.

Khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong khu công nghiệp, tham gia hỗ trợ tổ chức chăm sóc, giáo dục con em người lao động.

Thực hiện xã hội hóa trên nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật; không làm phát sinh các khoản thu trái quy định.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

Tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, kinh phí từ các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất. Ưu tiên phát triển GDMN đặc biệt là các xã, đặc khu có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

Bố trí nguồn kinh phí để triển khai các chính sách hỗ trợ theo đúng quy định. Các sở, ngành liên quan phối hợp lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án phát triển vùng dân tộc thiểu số, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, nhằm tăng hiệu quả sử dụng ngân sách. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các tổ chức phi Chính phủ để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ em vùng khó khăn.

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bảo đảm các điều kiện và nguồn lực thực hiện chính sách; hướng dẫn, thẩm định, phân bổ và quyết toán kinh phí đúng định mức, đúng đối tượng. Các địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, triển khai kịp thời, đạt hiệu quả.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính.

8. Kiểm tra, giám sát và công nhận

Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai phổ cập GDMN ở các địa phương, các cơ sở giáo dục.

Kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tổ chức tự kiểm tra, đánh giá và lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN theo đúng quy định.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026 - 2028

Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống trường, lớp, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phổ cập: bảo đảm 01 phòng/lớp mẫu giáo, đạt từ 90% phòng học kiên cố, giảm phòng học nhờ, không có phòng học tạm.

Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung biên chế đủ 02 giáo viên/lớp; 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Có từ 50% xã, phường trở lên đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Giai đoạn 2028 - 2030

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống trường, lớp, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phổ cập ở giai đoạn 2: bảo đảm 01 phòng/nhóm, lớp mầm non; 100% phòng học kiên cố, không còn phòng học nhờ, phòng học tạm; có đủ các phòng chức năng, thư viện trường mầm non, đủ đồ chơi ngoài trời, đồ chơi trong lớp, thiết bị dạy học, đủ bếp ăn, nhà vệ sinh và công trình nước sạch theo quy định.

Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung biên chế đủ đội ngũ giáo viên theo quy định; 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo quy định.

Phấn đấu đến năm 2030, 100% xã, phường, đặc khu đạt chuẩn phổ cập GDMN từ 3 đến 5 tuổi; hoàn thành hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, công nhận tỉnh An Giang đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

(Dự kiến lộ trình các xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tại Phụ lục I kèm theo).

V. KINH PHÍ

Tổng kinh phí thực hiện Đề án là 9.094.631 triệu đồng, được lồng ghép từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

(Phụ lục II và III kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh An Giang theo từng năm và cả giai đoạn.

Xây dựng hướng dẫn chuyên môn, tiêu chí đánh giá, mẫu hồ sơ theo quy định; tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và cán bộ phụ trách giáo dục của phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường, đặc khu.

Hướng dẫn rà soát, quy hoạch mạng lưới trường lớp mầm non trong tỉnh; đề xuất giải pháp mở rộng, chuyển đổi, sắp xếp cơ sở vật chất để đáp ứng tiêu chuẩn phổ cập.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận tỉnh đạt phổ cập GDMN trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét.

2. Sở Tài chính

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan, tham mưu cấp có thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch lồng ghép trong dự toán được giao của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong khả năng cân đối ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, hợp đồng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non phù hợp lộ trình phổ cập.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu rà soát, bố trí đủ số lượng, cơ cấu giáo viên mầm non và nhân viên theo định mức quy định.

Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non theo quy định của Chính phủ.

4. Công an tỉnh

Chỉ đạo Công an cấp xã rà soát, bổ sung, cập nhật và cung cấp đầy đủ, chính xác dữ liệu về số lượng trẻ em từ 0 đến 5 tuổi, đặc biệt là độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn theo mã định danh cá nhân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hỗ trợ các đơn vị liên quan trong việc xác minh, đối chiếu thông tin trẻ em khi triển khai công tác huy động trẻ đến trường và kiểm tra việc thực hiện phổ cập GDMN.

Phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến danh tính, mã định danh cá nhân, đặc biệt liên quan đến xác định nơi cư trú trẻ em trong cơ sở dữ liệu dân cư để xác định đối tượng; hỗ trợ công tác an ninh, an toàn trường học.

5. Sở Xây dựng

Thẩm định tiêu chuẩn cơ sở vật chất, chỉ đạo xây mới, sửa chữa, nâng cấp trường lớp theo tiêu chuẩn.

Hướng dẫn phương án bố trí phòng học an toàn, khu vệ sinh, sân chơi, thoát nước và quy định về phòng chống thiên tai, cháy nổ.

6. Sở Y tế

Phối hợp rà soát và thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho trẻ em đúng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, phòng chống đuối nước, tiêm chủng cho trẻ.

7. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp xây dựng chiến dịch truyền thông tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; vận động đưa trẻ đến trường; thông tin chính sách hỗ trợ, cơ chế huy động xã hội hóa; quản trị dữ liệu truyền thông; hỗ trợ hệ thống báo cáo điện tử.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, địa phương xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa và kết quả triển khai thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; kịp thời phản ánh những mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em mầm non góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với công tác chăm lo phát triển GDMN.

8. Sở Công Thương

Phối hợp rà soát, huy động chính sách hỗ trợ trẻ em là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đông dân cư, khu chế xuất.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp, hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tỉnh liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư để xác định đối tượng, theo dõi tiến độ và hỗ trợ báo cáo công nhận theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Xây dựng kế hoạch thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương; chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các khóm, ấp, khu vực, tổ dân phố và các lực lượng liên quan.

Phối hợp với ngành giáo dục, công an, y tế và các tổ chức đoàn thể rà soát, đối chiếu các tiêu chuẩn về quy mô trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; xác định đúng đối tượng trẻ em trong diện phổ cập. Đảm bảo quỹ đất cho việc xây dựng, phát triển trường, lớp mầm non.

Tổ chức điều tra, cập nhật, quản lý dữ liệu trẻ từ 0 đến 5 tuổi; theo dõi và báo cáo số liệu trẻ em trong độ tuổi mầm non. Chỉ đạo các trường mầm non quản lý hồ sơ phổ cập, đảm bảo dữ liệu chính xác, đồng bộ với phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tổ chức tự kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị tỉnh công nhận xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Tuyên truyền, vận động gia đình, cộng đồng, các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở GDMN huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp, tăng tỷ lệ trẻ 3 và 4 tuổi ra lớp đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN.

Bố trí, lồng ghép nguồn lực tại địa phương; đề xuất nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện cần thiết cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đề xuất kinh phí chi trả các chế độ, chính sách đối với giáo viên, trẻ mầm non theo quy định. Tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực hợp pháp từ cộng đồng.

Chỉ đạo các cơ sở GDMN triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách đối với trẻ em, giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý tham gia thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

Lập hồ sơ phổ cập GDMN và hồ sơ đề nghị tỉnh kiểm tra công nhận xã đạt chuẩn phổ cập GDMN theo quy định.

Tổ chức vận động phụ huynh, doanh nghiệp, cộng đồng tham gia xã hội hóa.

11. Cơ sở giáo dục mầm non và gia đình trẻ

Hàng năm, các cơ sở GDMN thực hiện việc rà soát sĩ số, khả năng tiếp nhận trẻ 3 tuổi, 4 tuổi; Xây dựng kế hoạch mở thêm lớp 3 tuổi, 4 tuổi theo từng năm học. Rà soát trẻ thuộc diện chính sách để sẵn sàng triển khai hỗ trợ theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

Rà soát đội ngũ giáo viên, xác định nhu cầu đề nghị tuyển dụng và bồi dưỡng, tổng hợp khó khăn tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân xã và Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đẩy mạnh truyền thông đến cộng đồng về lợi ích đưa trẻ 3 và 4 tuổi đến trường, đặc biệt là những lợi ích trong phát triển ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và kỹ năng tự phục vụ của trẻ. Thực hiện nhiều biện pháp huy động trẻ như: vận động tại nhà, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, hỗ trợ kịp thời đối với những trẻ có nguy cơ không đến trường hoặc nghỉ học dài ngày.

Gia đình trẻ có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được đến trường, lớp; phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục tại các cơ sở GDMN để đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, nttrng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy